

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 02 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Thanh B, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp Tân Long A, xã Tân T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp Tân Long A, xã Tân T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Dương Thanh B, thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh B và chị Huỳnh Thị Đ chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính cách. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh chị đã ly thân khoảng 15 năm nay, anh B xác định mục đích hôn nhân giữa anh và chị Đ không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh B và chị Đ có 02 con chung tên Dương Thúy H, sinh năm 2002 và Dương Hồng L, sinh năm 2006. Các con sống cùng chị Đ từ khi anh, chị ly thân đến nay. Khi ly hôn anh B yêu cầu giao Dương Hồng L cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Đối với Thúy H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo đơn yêu cầu của chị Huỳnh Thị Đ đề ngày 03/02/2021 thể hiện:*

Chị Đ đồng ý để Tòa án huyện Đầm Dơi giải quyết vụ án giữa chị với anh B. Về hôn nhân chị đồng ý ly hôn; về con chung chị đồng ý tiếp tục nuôi Dương Hồng L, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ không có. Chị Đ yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị do bận đi làm ăn xa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh B, cho anh B được ly hôn với chị Đ; về con chung: giao Dương Hồng L, sinh năm 2006 cho chị Đ nuôi, cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và về nợ: anh B và chị Đ xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh B và chị Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Anh B và chị Đ chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã ly thân 15 năm nay. Từ nguyên nhân trên, Anh B xác định không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với chị Đ. Chị Đ đồng ý ly hôn với anh B.

Xét yêu cầu của anh B, thấy rằng: Anh B và chị Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên đã ly thân khoảng 15 năm nay, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên anh B yêu cầu được ly hôn; chị Đ đồng ý ly hôn với anh B. Xét thấy hôn nhân giữa anh B và chị Đ đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh B, cho anh B ly hôn với chị Đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung thấy rằng: Anh B và chị Đ có 02 người con chung, đối với Dương Thúy H đã trưởng thành, anh B và chị Đ không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với Dương Hồng L từ khi anh B và chị Đ ly thân đến nay cháu sống cùng chị Đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án phải xem xét nguyện vọng của Hồng

L nhưng do cháu đã theo chị Đ đi làm ăn xa nên Tòa án không xem xét được nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên qua yêu cầu của anh B và ý kiến của chị Đ thì để ổn định về môi trường sống, sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của Hồng L, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Hồng L cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Anh B có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh B và chị Đ xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh B phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Thanh B

1.1. Về hôn nhân: Cho anh Dương Thanh B được ly hôn với chị Huỳnh Thị Đ.

1.2. Về con chung: Giao Dương Hồng L, sinh năm 2006 cho chị Huỳnh Thị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh B phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011635 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh B đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện ĐD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai